|  |  |
| --- | --- |
| CHÍNH PHỦ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
| Số: /2016/NĐ-CP |  |  |
|  | *Hà Nội, ngày tháng năm 2016* |

*Tài liệu đã sửa sau ngày họp ngày 24/3/2016*

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

###### Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ

###### đào tạo lái xe ô tô và sát hạch lái xe

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn ngày 29 tháng 06 năm 2006;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và sát hạch lái xe.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và sát hạch lái xe.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động có liên quan đến kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và sát hạch lái xe tại Việt Nam.

2. Nghị định này không áp dụng đối với hoạt động đào tạo lái xe ô tô và sát hạch lái xe cho lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

*1. Kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô* là hoạt động cung cấp kiến thức và kỹ năng điều khiển phương tiện cơ giới đường bộ cần thiết cho người học lái xe ô tô.

2. *Cơ sở đào tạo lái xe ô tô* là cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện chức năng đào tạo nghề lái xe ô tô;

*3. Lưu lượng đào tạo* là tổng số học viên lái xe ô tô (lý thuyết và thực hành) của cơ sở đào tạo tại một thời điểm (tính bằng ngày).

*4. Kinh doanh dịch vụ sát hạch lái xe* là hoạt động phục vụ của các trung tâm sát hạch để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, đánh giá sự hiểu biết về pháp luật giao thông đường bộ và kỹ năng điều khiển phương tiện cơ giới đường bộ của người lái xe.

*5. Trung tâm sát hạch lái xe* là cơ sở được xây dựng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, cung cấp dịch vụ sát hạch lái xe và được phân loại như sau:

*a) Trung tâm sát hạch loại 1:* là nơi thực hiện sát hạch để cấp giấy phép lái xe các hạng A1, A2, A3, A4, B1, B2, C, D, E và các hạng F(FB2, FC, FD, FE);

*b) Trung tâm sát hạch loại 2:* là nơi thực hiện sát hạch để cấp giấy phép lái xe các hạng A1, A2, A3, A4, B1, B2 và hạng C;

*c) Trung tâm sát hạch loại 3:* là nơi thực hiện sát hạch để cấp giấy phép lái xe các hạng A1, A2, A3 và hạng A4.

Điều 4. Áp dụng pháp luật có liên quan và Điều ước quốc tế

1. Kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và sát hạch lái xe phải tuân theo Nghị định này và pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định về điều kiện khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế đó.

Chương II

ĐIỀU KIỆN KINH DOANH,

CẤP VÀ THU HỒI GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ

Điều 5. Điều kiện chung của cơ sở đào tạo lái xe ô tô

1. Là cơ sở giáo dục nghề nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Phải phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở đào tạo lái xe ô tô của Bộ Giao thông vận tải.

3. Đáp ứng các điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật, đội ngũ giáo viên dạy lái xe ô tô, giáo trình, giáo án và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô.

Điều 6. Điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật

1. Hệ thống phòng học, xe tập lái, sân tập lái

a) Hệ thống phòng học chuyên môn bao gồm: Pháp luật giao thông đường bộ, Cấu tạo và sửa chữa thông thường, Kỹ thuật lái xe, Nghiệp vụ vận tải, Đạo đức người lái xe và Văn hoá giao thông và Phòng điều hành giảng dạy;

b) Xe tập lái các hạng: bảo đảm yêu cầu về an toàn và bảo vệ môi trưởng, yêu cầu kỹ thuật chuyên môn và được cấp giấy phép xe tập lái theo quy định.

c) Sân tập lái xe: thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cơ sở đào tạo lái xe ô tô.

2. Có đủ giáo trình, giáo án theo quy định.

3. Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết tiêu chuẩn kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn về hệ thống phòng học, xe tập lái, sân tập lái và giáo trình giảng dạy.

Điều 7. Điều kiện về giáo viên dạy lái xe ô tô

1. Tiêu chuẩn chung

Đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Luật Giáo dục nghề nghiệp.

2. Tiêu chuẩn giáo viên dạy lý thuyết

a) Có bằng tốt nghiệp trung cấp, trình độ A về tin học trở lên;

b) Giáo viên dạy môn Pháp luật giao thông đường bộ phải có giấy phép lái xe ô tô; giáo viên dạy môn Kỹ thuật lái xe phải có giấy phép lái xe tương ứng hạng xe đào tạo trở lên.

3. Tiêu chuẩn giáo viên dạy thực hành

a) Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên hoặc có chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy trình độ sơ cấp;

b) Giáo viên dạy lái xe phải có giấy phép lái xe hạng tương ứng trở lên;

c) Phải được tập huấn về nghiệp vụ dạy thực hành lái xe theo chương trình do Bộ Giao thông vận tải ban hành và được cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

4. Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết tiêu chuẩn giáo viên dạy thực hành lái xe.

Điều 8. Giấy phép đào tạo lái xe ô tô

1. Giấy phép đào tạo lái xe ô tô theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 của Nghị định này; được cấp lại trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy phép đào tạo lái xe.

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô

a) Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp lại giấy phép đào tạo lái xe cho các cơ sở đào tạo thuộc cơ quan Trung ương do Bộ Giao thông vận tải giao;

b) Sở Giao thông vận tải: chấp thuận, cấp mới, cấp lại giấy phép đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo lái xe ô tô trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 9. Thủ tục chấp thuận chủ trương xây dựng mới cơ sở đào tạo lái xe ô tô

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng mới cơ sở đào tạo lái xe ô tô gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo quy định đến Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận xây dựng cơ sở đào tạo lái xe ô tô theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Nghị định này;

b) Bản thuyết minh dự án xây dựng cơ sở đào tạo lái xe ô tô bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư (cơ sở vật chất và giáo viên giảng dạy), vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ xây dựng.

2. Trình tự xem xét, giải quyết như sau:

a) Trường hợp hồ sơ chưa đủ theo quy định, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải phải hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân;

b) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, căn cứ nhu cầu đào tạo thực tế của địa phương và quy hoạch cơ sở đào tạo của Bộ Giao thông vận tải, Sở Giao thông vận tải xem xét, có văn bản chấp thuận chủ trương gửi tổ chức, cá nhân theo nguyên tắc ưu tiên hồ sơ đủ điều kiện nộp trước. Trường hợp không chấp thuận, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Văn bản chấp thuận chủ trương có giá trị không quá 24 tháng, kể từ ngày cấp.

Điều 10. Thủ tục cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô

Sau khi hoàn thành xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư phương tiện, trang thiết bị dạy lái xe theo tiêu chuẩn kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn của cơ sở đào tạo lái xe ô tô; tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp phép bao gồm:

a) Công văn kèm báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Nghị định này;

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu quyết định thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp của cơ quan có thẩm quyền;

c) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe còn thời hạn;

d) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu giấy đăng ký xe; bản sao giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện cơ giới đường bộ còn thời hạn.

2. Trình tự thực hiện

a) Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở đào tạo lái xe ô tô gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp phép đến Sở Giao thông vận tải (trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác theo quy định);

b) Trường hợp hồ sơ chưa đủ theo quy định, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải phải hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân;

Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải chủ trì phối hợp với cơ quan quản lý giáo dục nghề nghiệp ở địa phương tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo và lập biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 của Nghị định này;

Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở Giao thông vận tải cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đủ điều kiện. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 11. Thủ tục cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô

1. Giấy phép đào tạo lái xe ô tô được cấp lại khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo, bị hỏng hoặc mất.

2. Hồ sơ cấp lại khi điều chỉnh hạng xe, lưu lượng đào tạo

Cơ sở đào tạo lập 01 bộ hồ sơ gửi đến cơ quan có thẩm quyền (trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo quy định). Hồ sơ bao gồm các thành phần quy định tại các điểm a, c, d khoản 1 Điều 10 của Nghị định này (chỉ bổ sung những nội dung thay đổi so với lần cấp phép gần nhất).

3. Hồ sơ cấp lại khi giấy phép bị hỏng hoặc mất

Cơ sở đào tạo có công văn đề nghị cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô và nêu rõ lý do hỏng hoặc mất, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo quy định đến cơ quan có thẩm quyền.

4. Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền phối hợp cơ quan quản lý giáo dục nghề nghiệp tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo và lập biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 của Nghị định này trừ trường hợp cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi hỏng hoặc mất.

5. Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đào tạo. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6. Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo quy định.

Điều 12. Thu hồi giấy phép đào tạo lái xe ô tô

1. Cơ sở đào tạo bị thu hồi giấy phép đào tạo lái xe ô tô không thời hạn khi vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Có hành vi gian lận để được thành lập hoặc cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô;

b) Không triển khai hoạt động đào tạo lái xe ô tô sau thời hạn 18 tháng, kể từ ngày được cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô;

c) Bị đình chỉ tuyển sinh đào tạo lái xe ô tô quá hai lần trong thời gian 12 tháng;

d) Khi công bố phá sản, giải thể hoặc đề nghị của cơ sở đào tạo lái xe ô tô.

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô thì có quyền thu hồi và thực hiện theo trình tự sau:

a) Ban hành quyết định thu hồi giấy phép đào tạo lái xe ô tô, thông báo đến các cơ quan liên quan để phối hợp thực hiện và công bố trên trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ sở đào tạo lái xe ô tô phải nộp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ quan cấp giấy phép, đồng thời dừng toàn bộ các hoạt động đào tạo lái xe ô tô theo giấy phép đã bị thu hồi ngay sau khi quyết định có hiệu lực.

Chương III

ĐIỀU KIỆN KINH DOANH, CẤP VÀ THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN

TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG

**Điều 13. Điều kiện chung của trung tâm sát hạch lái xe**

1. Trung tâm sát hạch lái xe được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Trung tâm sát hạch lái xe loại 1 và loại 2 được xây dựng phù hợp với quy hoạch mạng lưới trung tâm sát hạch của Bộ Giao thông vận tải; trung tâm sát hạch lái xe loại 3 được xây dựng phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

**Điều 14. Điều kiện về cơ sở vật chất**

1. Có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ và yêu cầu sát hạch lái xe theo nội dung quy trình sát hạch lái xe do Bộ Giao thông vận tải ban hành, bao gồm: xe cơ giới dùng để sát hạch, thiết bị sát hạch lý thuyết, thiết bị sát hạch thực hành lái xe trong hình, thiết bị sát hạch thực hành lái xe trên đường, nhà điều hành (phòng chờ sát hạch, phòng hướng dẫn sát hạch, phòng sát hạch lý thuyết, phòng điều hành thiết bị chấm điểm thực hành lái xe trong hình, phòng Hội đồng sát hạch, các phòng quản lý hoạt động) và các công trình phụ trợ khác.

2. Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.

Điều 15. Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động

1. Giấy chứng nhận hoạt động trung tâm sát hạch lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 của Nghị định này và có thời hạn 05 năm; được cấp lại trong trường hợp hết hạn, bị mất, bị hỏng hoặc có sự thay đổi về phần mềm sát hạch, thiết bị chấm điểm, chủng loại, số lượng ô tô sử dụng để sát hạch lái xe tại trung tâm sát hạch lái xe. Trừ trường hợp cấp lại do hết hạn, thời hạn của giấy chứng nhận mới không được vượt quá thời hạn của giấy chứng nhận đã cấp trước đó.

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hoạt động trung tâm sát hạch lái xe

a) Tổng cục Đường bộ Việt Nam: cấp mới, cấp lại giấy chứng nhận hoạt động trung tâm sát hạch lái xe cho trung tâm sát hạch lái xe loại 1 và loại 2;

b) Sở Giao thông vận tải: cấp mới, cấp lại giấy chứng nhận hoạt động trung tâm sát lái xe cho trung tâm sát hạch lái xe loại 3 trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

c) Trường hợp cấp mới: Tổng cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận chủ trương trên cơ sở quy hoạch mạng lưới trung tâm sát hạch lái xe của Bộ Giao thông vận tải và được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đồng ý bằng văn bản; Sở Giao thông vận tải chấp thuận chủ trương trên cơ sở quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Điều 16. Thủ tục chấp thuận chủ trương

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu kinh doanh dịch vụ sát hạch lái xe lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng mới trung tâm sát hạch lái xe, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo quy định đến cơ quan có thẩm quyền. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận xây dựng mới trung tâm sát hạch lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 của Nghị định này;

b) Văn bản đồng ý xây dựng trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

c) Bản thuyết minh dự án xây dựng trung tâm sát hạch lái xe bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, cơ sở vật chất kỹ thuật, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ xây dựng.

2. Căn cứ quy hoạch của Bộ Giao thông vận tải, trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Đường bộ Việt Nam có văn bản chấp thuận chủ trương xây dựng trung tâm sát hạch lái xe loại 1 hoặc loại 2 gửi tổ chức, cá nhân theo nguyên tắc ưu tiên hồ sơ đủ điều kiện nộp trước. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Căn cứ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận chủ trương xây dựng trung tâm sát hạch lái xe loại 3 gửi tổ chức, cá nhân theo nguyên tắc ưu tiên hồ sơ đủ điều kiện nộp trước. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Văn bản chấp thuận chủ trương có giá trị không quá 24 tháng, kể từ ngày cấp.

Điều 17. Thủ tục cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động loại 1, loại 2

1. Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể và kích thước hình sát hạch

a) Tổ chức, cá nhân gửi văn bản đề nghị kèm 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo quy định đến Tổng cục Đường bộ Việt Nam. Hồ sơ bao gồm: dự án đầu tư xây dựng, bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể, bản sao có chứng thực giấy phép xây dựng, hồ sơ thiết kế kích thước hình sát hạch, bản kê khai loại xe cơ giới dùng để sát hạch, loại thiết bị chấm điểm tự động;

b) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Tổng cục Đường bộ Việt Nam có văn bản chấp thuận gửi tổ chức, cá nhân đồng thời gửi Sở Giao thông vận tải. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời tổ chức, cá nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Trình tự kiểm tra, cấp giấy chứng nhận

a) Sau khi xây dựng xong, tổ chức, cá nhân gửi văn bản đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam kiểm tra, cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động;

b) Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, Tổng cục Đường bộ Việt Nam phối hợp với Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, cấp giấy chứng nhận. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 18. Thủ tục cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động loại 3

1. Sau khi xây dựng xong, tổ chức, cá nhân gửi văn bản kèm hồ sơ đề nghị Sở Giao thông vận tải cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động. Hồ sơ bao gồm: văn bản chấp thuận chủ trương, dự án đầu tư xây dựng, bản sao có chứng thực giấy phép xây dựng, bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể, hồ sơ thiết kế kích thước hình sát hạch, loại xe cơ giới dùng để sát hạch.

2. Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, cấp giấy chứng nhận. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 19. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động

1. Trung tâm sát hạch lái xe loại 1 và loại 2

a) Trung tâm sát hạch lái xe gửi văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác theo quy định đến Tổng cục Đường bộ Việt Nam;

b) Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, Tổng cục Đường bộ Việt Nam phối hợp Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, cấp lại giấy chứng nhận. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Trung tâm sát hạch lái xe loại 3

a) Trung tâm sát hạch lái xe gửi văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác theo quy định đến Sở Giao thông vận tải;

b) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra và cấp lại giấy chứng nhận. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 20. Thủ tục thu hồi giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động

1. Trung tâm sát hạch lái xe bị thu hồi không thời hạn giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động trong các trường hợp sau:

a) Có hành vi gian lận để được cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động;

b) Không triển khai hoạt động sát hạch lái xe sau thời hạn 18 tháng, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe;

c) Bị tước quyền sử dụng giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động quá hai lần trong thời gian 12 tháng.

d) Công bố phá sản, giải thể và đề nghị của trung tâm sát hạch lái xe.

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động thì có thẩm quyền thu hồi theo trình tự sau:

a) Ban hành quyết định thu hồi, thông báo đến các cơ quan có liên quan để phối hợp thực hiện và công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền;

b) Trung tâm sát hạch lái xe phải nộp lại giấy chứng nhận cho cơ quan cấp, đồng thời dừng toàn bộ hoạt động sát hạch lái xe theo giấy chứng nhận đã bị thu hồi ngay sau khi quyết định có hiệu lực.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết các điều, khoản được giao, hướng dẫn tổ chức thực hiện, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm việc thực hiện các quy định tại Nghị định này.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với Bộ Giao thông vận tải xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.

3. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn các quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp.

4. Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện các quy định về thu chi tài chính trong lĩnh vực đào tạo, sát hạch lái xe.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo các cơ quan chức năng tổ chức kiểm tra việc tuân thủ các điều kiện quy định tại Nghị định này.

6. Cơ sở đào tạo lái xe ô tô có trách nhiệm:

a) Tổ chức đào tạo mới và nâng hạng giấy phép lái xe theo lưu lượng, thời hạn, địa điểm, hạng giấy phép lái xe ghi trong giấy phép đào tạo lái xe;

b) Duy trì, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và đội ngũ giáo viên để bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo lái xe.

7. Trung tâm sát hạch lái xe có trách nhiệm:

a) Bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị kiểm tra, chấm điểm theo quy định để thực hiện các kỳ sát hạch đạt kết quả chính xác, khách quan;

b) Báo cáo Sở Giao thông vận tải và Tổng cục Đường bộ Việt Nam để xử lý kịp thời các trường hợp thiết bị, phương tiện dùng cho sát hạch hoạt động không chính xác, không ổn định hoặc khi thay đổi thiết bị, phương tiện dùng cho sát hạch.

Điều 22. Chế độ thanh tra, kiểm tra điều kiện kinh doanh

1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và sát hạch lái xe chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền về điều kiện kinh doanh và việc thực hiện điều kiện kinh doanh trong quá trình hoạt động.

2. Hình thức thanh tra, kiểm tra điều kiện kinh doanh:

a) Thanh tra, kiểm tra định kỳ;

b) Thanh tra, kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu không tuân thủ các điều kiện theo quy định tại Nghị định này.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Điều khoản chuyển tiếp

1. Giáo viên dạy thực hành lái xe đã được cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe trước ngày Nghị định này có hiệu lực và phải hoàn thiện đáp ứng quy định của Nghị định này trước ngày 01/01/2021.

2. Giấy phép đào tạo lái xe đã cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực, khi hết hạn được cơ quan có thẩm quyền cấp lại theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 của Nghị định này.

3. Trung tâm sát hạch lái xe đã được cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực, được tiếp tục hoạt động và được cấp lại khi hết hạn.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2017. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ban Bí thư Trung ương Đảng;  - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;  - VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;  - HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;  - Văn phòng TW và các Ban của Đảng;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;  - Văn phòng Quốc hội;  - Tòa án nhân dân tối cao;  - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;  - Kiểm toán Nhà nước;  - UB Giám sát tài chính QG;  - Ngân hàng Chính sách Xã hội;  - Ngân hàng Phát triển Việt Nam;  - Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;  - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;  - VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT,  các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;  - Lưu: Văn thư, KTN (5b). | **TM. CHÍNH PHỦ**  **THỦ TƯỚNG** |

Phụ lục 1

MẪU GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ

*(Ban hành kèm theo Nghị định số /2016/NĐ-CP*

*ngày tháng năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc | |
| Số:................../ | *...................., ngày ..... tháng ..... năm 20 .....* | |
| GIẤY PHÉP  ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ  Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;  Căn cứ Nghị định số ...../ ..... /NĐ-CP ngày..../...... /..... của Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và sát hạch lái xe;  Xét đề nghị của Đoàn kiểm tra được thành lập tại Quyết định số.................... ngày ..... / ..... / ..... của cơ quan có thẩm quyền về việc ............................................;  Theo đề nghị của .............................................................................................,  CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN  1. Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho:.........................................................  2. Địa chỉ:.........................................................................................................  - Điện thoại .......................................... - Fax:.................................................  3. Cơ quan quản lý trực tiếp:............................................................................  4. Được phép đào tạo để sát hạch, cấp giấy phép lái xe  - Hạng:..............................................................................................................  - Lưu lượng: .....................................................................................................  5. Địa điểm đào tạo:..........................................................................................  Cơ sở đào tạo lái xe phải xuất trình Giấy phép này với cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu. | | |
|  | | THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN *(Ký tên, đóng dấu)* |
|  | |  |

Phụ lục 2

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN

CHỦ TRƯƠNG XÂY DỰNG MỚI CƠ SỞ ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ

*(Ban hành kèm theo Nghị định số /2016/NĐ-CP*

*ngày tháng năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN  Số:............./................ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  *..........., ngày..... tháng...... năm.......* |

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN

XÂY DỰNG MỚI CƠ SỞ ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền

1. Tên tổ chức, cá nhân:..............................................................................

2. Địa chỉ liên lạc:................................................................................ .............

Điện thoại:..................................................Fax:..............................................

3. Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với tổ chức số: .................do...........................................

cấp ngày..........tháng..........năm…...........

4. Họ và tên người đại diện hợp pháp.........................................................

Số chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước hoặc hộ chiếu:.............................

do......................................................... cấp ngày........tháng.......năm.........

Đề nghị chấp thuận xây dựng mới cơ sở đào tạo lái xe ô tô tại..................

Tổ chức, cá nhân cam kết triển khai đầu tư, xây dựng cơ sở đào tạo lái xe ô tô theo đúng quy định hiện hành./.

|  |  |
| --- | --- |
| *Nơi nhận:*  - Như trên;  - Lưu: VT. | ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN  *(Ký tên, đóng dấu)* |

Phụ lục 3

MẪU BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE  
*(Ban hành kèm theo Nghị định số /2016/NĐ-CP*

*ngày tháng năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| CƠ QUAN CHỦ QUẢN  CƠ SỞ ĐÀO TẠO | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |

BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ

CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo (Trường hoặc Trung tâm):

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (Giám đốc, Phó Giám đốc), các phòng ban:......

Địa chỉ liên lạc:..................................................................................................

.................................................................... ....................................................

Điện thoại:...................................................Fax:................................................

2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp:................................................................

3. Quyết định thành lập số..... ngày ..... / ..... / ..... của.......................................

4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở, các nghề đào tạo, quy mô đào tạo/năm.

II. BÁO CÁO VỀ ĐÀO TẠO LÁI XE

1. Đào tạo lái xe từ năm............loại xe (xe con, xe tải......tấn, xe khách, xe kéo rơ moóc...) theo văn bản số.........ngày ..... / ..... / ..... của......................................

Từ khi thành lập đến nay đã đào tạo được.......... học sinh, lái xe loại...............

2. Hiện nay đào tạo lái xe loại....., thời gian đào tạo.....tháng (đối với từng loại, số học sinh mỗi loại).

*(Trường hợp chưa đào tạo không nêu các điểm 1, 2 phần II)*

3. Tổng số phòng học hiện có, số phòng học chuyên môn, diện tích (m2), đủ hay thiếu phòng học.

Đánh giá cụ thể từng phòng học chuyên môn và các thiết bị dạy học: cabin, mô hình vật thực, phim, đèn chiếu hoặc thiết bị, dụng cụ tháo lắp.... (đối chiếu với quy định để báo cáo); chất lượng từng phòng học.

4. Mục tiêu, kế hoạch giảng dạy và từng mục: giáo trình, giáo án, hệ thống bài ôn luyện và thiết bị kiểm tra (thống kê và trình bày hiện vật).

5. Đội ngũ giáo viên

- Số lượng giáo viên dạy lý thuyết:....................................................................

- Số giáo lượng viên dạy thực hành:..................................................................

DANH SÁCH TRÍCH NGANG GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH  
(hoặc LÝ THUYẾT) LÁI XE

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Số giấy chứng minh nhân dân | Đơn vị công tác | Hình thức tuyển dụng | | Trình độ | | | Hạng giấy phép lái xe | Ngày trúng tuyển | Thâm niên dạy lái | Ghi chú |
| Biên chế | Hợp đồng (thời hạn) | Văn hóa | Chuyên môn | Sư phạm |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

6. Xe tập lái: số lượng xe tập lái hiện có, thiếu hay đủ để học viên tập.

- Chủng loại: số xe thông dụng; số xe kiểu cũ.

- Tình trạng chất lượng kỹ thuật (còn bao nhiêu %).

- Thiết bị dạy lái trên xe.

- Số xe có Giấy chứng nhận kiểm định, giấy phép xe tập lái.

DANH SÁCH XE TẬP LÁI

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Số đăng  ký xe | Nhãn xe | Hạng xe | Năm sản xuất | Chủ sở hữu/hợp đồng | Hệ thống phanh phụ (có, không) | Giấy phép xe tập lái (có, không) |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| .... |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

Ghi chú: Danh sách sắp xếp thứ tự các hạng B, C, D, E, F gửi kèm bản sao có chứng thực hoặc công chứng giấy đăng ký từng xe.

7. Sân tập lái có diện tích:......................... m2.

- Đã tạo lập các tình huống để tập lái trên bãi tập.

- Có hiện trường tập lái thực tế.

8. Đánh giá chung, đề nghị:

|  |  |
| --- | --- |
|  | HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC) *(Ký tên, đóng dấu)* |

Phụ lục 4

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA XÉT CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE

*(Ban hành kèm theo Nghị định số /2016/NĐ-CP*

*ngày tháng năm 2016 của Thủ tướng chính phủ)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA

XÉT CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ

Ngày ...../...... /....., Đoàn kiểm tra xét cấp giấy phép đào tạo lái xe được thành lập tại Quyết định số:......................ngày ...../...... /..... của cơ quan có thẩm quyền......................, đã tiến hành kiểm tra theo tiêu chuẩn kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn của cơ sở đào tạo lái xe:...........................................................................

Thành phần Đoàn gồm có:

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Ông (Bà)........................ | Lãnh đạo cơ quan có thẩm quyền - Trưởng Đoàn. |
| 2. Ông (Bà)........................ | Trưởng (Phó) phòng..........cơ quan có thẩm quyền. |
| 3. Ông (Bà)........................ | Đại diện Cơ quan quản lý giáo dục nghề nghiệp. |
| 4. Ông (Bà)....................... | Chuyên viên Phòng ............................... - Thư ký. |

Thành phần Cơ sở đào tạo lái xe gồm có:

1. Ông (Bà): ............................................................................................................

2. Ông (Bà): ............................................................................................................

3. Ông (Bà): ............................................................................................................

Kết quả kiểm tra như sau:

1. Phòng học Luật Giao thông đường bộ:

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

1. Phòng học Cấu tạo và Sửa chữa thông thường:

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

1. Phòng học Nghiệp vụ vận tải:

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

1. Phòng học Kỹ thuật lái xe:

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

1. Phòng học Thực tập bảo dưỡng, sửa chữa:

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

1. Các phòng học khác:

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

7. Giáo viên có.............người đủ tiêu chuẩn, trong đó:

- Giáo viên dạy lý thuyết.........người (danh sách trích ngang, hồ sơ kèm theo);

- Giáo viên dạy thực hành lái xe........người (danh sách trích ngang, hồ sơ kèm theo).

8. Xe tập lái có.................xe (kèm theo danh sách, giấy đăng ký, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, giấy phép xe tập lái) đủ tiêu chuẩn, trong đó:

* Xe hạng B:.............chiếc;
* Xe hạng C:.............chiếc;
* Xe hạng D:.............chiếc;
* Xe hạng E:..............chiếc;
* Xe hạng F:...............chiếc.

9. Sân tập lái có....................sân với diện tích......................m2, được thảm nhựa (bê tông, ghi rõ các điều kiện khác), đủ (không đủ) điều kiện dạy lái.

10. Đường tập lái xe là đường (ghi rõ tên đường)..................................................

đủ giảng dạy, tập lái theo nội dung, chương trình đào tạo lái xe quy định.

Với kết quả kiểm tra trên, đề nghị Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền, cấp giấy phép đào tạo lái xe các hạng, với lưu lượng:...............học viên (trong đó, hạng B:............, hạng C:..........., hạng D:.........., hạng E:.........., hạng F:.........).

Tên cơ sở đào tạo:..............................................................................................

Địa chỉ:...............................................................................................................

Số điện thoại:..............................Fax:................................................................

Cơ quan trực tiếp quản lý:..................................................................................

Họ tên Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (Giám đốc, Phó Giám đốc):...................

TRƯỞNG ĐOÀN THƯ KÝ

*(Ký và ghi rõ họ, tên) (Ký và ghi rõ họ, tên)*

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐÀO TẠO

QUẢN LÝ DẠY NGHỀ *(Ký tên, đóng dấu)*

*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

Phụ lục 5

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN HOẠT ĐỘNG TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE  *(Ban hành kèm theo Nghị định số /2016/NĐ-CP*

*ngày tháng năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| UBND TỈNH, THÀNH PHỐ … SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI... | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc | |
| Số: .................../ | *.................., ngày ..... tháng ..... năm 20.....* | |
| GIẤY CHỨNG NHẬN HOẠT ĐỘNG  TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE  Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;  Căn cứ Nghị định số ...../ ..... /NĐ-CP ...../...... /..... của Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và sát hạch lái xe;  Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ (QCVN.............../BGTVT) ban hành kèm theo Thông tư số ..... /..... /TT-BGTVT ngày .... / ..... / ..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;  Căn cứ Biên bản kiểm tra Trung tâm sát hạch lái xe...............................của Đoàn kiểm tra ngày ..... /..... /.....;  Xét đề nghị của Trung tâm sát hạch lái xe...................................tại văn bản số................ ngày ..... /..... /..... về việc kiểm tra, xác nhận hoạt động trung tâm sát hạch lái xe;  Theo đề nghị của Trưởng phòng .............................................................................,  THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN  Cấp giấy chứng nhận cho: TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE...  1. Địa chỉ:  - Điện thoại: - Fax:  2. Trung tâm sát hạch lái xe..........................là trung tâm sát hạch loại … có đủ điều kiện sát hạch lái xe các hạng:............., được sử dụng các xe sát hạch:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Hạng …: | xe | Hạng …: | xe | | Hạng …:  …. | xe | Hạng …: | Xe |   Trung tâm sát hạch lái xe...phải xuất trình Giấy chứng nhận này với cơ quan quản lý sát hạch cấp giấy phép lái xe đến tổ chức sát hạch và chịu sự kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền./. | | |
|  | | THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN *(Ký tên, đóng dấu)* |
| *Giấy chứng nhận này có giá trị đến*  *ngày ..... tháng ..... năm .....* | |  |

Phụ lục 6

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN

XÂY DỰNG MỚI TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE

*(Ban hành kèm theo Nghị định số /2016/NĐ-CP*

*ngày tháng năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN  Số:............./................ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  *..........., ngày..... tháng...... năm.......* |

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN

XÂY DỰNG MỚI TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền

1. Tên tổ chức, cá nhân:..............................................................................

2. Địa chỉ liên lạc:........................................................................................ .............................................................................................................................

Điện thoại:..................................................Fax:.................................................

3. Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với tổ chức số: .........................do............................ cấp ngày…… tháng…… năm….................................................................................................

4. Họ và tên người đại diện hợp pháp:........................................................

Số chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước hoặc hộ chiếu:.......................... do..................................................................cấp ngày.......tháng ........năm.........

Đề nghị chấpthuận xây dựng mới trung tâm sát hạch lái xe loại........... tại.........................................................................................................................

Tổ chức, cá nhân cam kết triển khai đầu tư, xây dựng trung tâm sát hạch lái xe theo đúng quy định hiện hành./.

|  |  |
| --- | --- |
| *Nơi nhận:*  - Như trên;  - Lưu: VT. | ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN  *(Ký tên, đóng dấu)* |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  Số: /TTr-BGTVT | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  *Hà Nội, ngày tháng năm 2016* |

*DỰ THẢO*

TỜ TRÌNH CHÍNH PHỦ

Về dự thảo Nghị định quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ

đào tạo lái xe ô tô và sát hạch lái xe

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014, Luật Giao thông đường bộ ngày 28 tháng 11 năm 2008; thực hiện Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2016 của Chính phủ, trong đó Bộ Giao thông vận tải được giao chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng, trình Chính phủ Nghị định quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và sát hạch lái xe, Bộ Giao thông vận tải kính trình Chính phủ Dự thảo Nghị định quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và sát hạch lái xe (sau đây gọi là Dự thảo Nghị định) với các nội dung cơ bản như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Nghị định

Khoản 2 Điều 7 Luật Đầu tư quy định danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Theo đó, nghề đào tạo lái xe ô tô và hoạt động dịch vụ sát hạch lái xe thuộc đối tượng áp dụng của Luật này.

Khoản 3 Điều 7 Luật Đầu tư quy định điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành, nghề quy định tại khoản 2 nói trên được quy định tại các luật, pháp lệnh, nghị định và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Bộ cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác không được ban hành quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh.

Điểm c khoản 4 Điều 68 Luật Đầu tư quy định trách nhiệm của các cơ quan ngang bộ trình Chính phủ ban hành theo thẩm quyền điều kiện đầu tư đối với ngành, nghề quy định tại Điều 7 nói trên.

Khoản 10 Điều 61 Luật Giao thông đường bộ quy định Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, tiêu chuẩn và cấp giấy phép cho cơ sở đào tạo lái xe; quy định sát hạch lái xe.

Vì vậy, việc xây dựng, ban hành Nghị định quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và sát hạch lái xe là cần thiết để triển khai Luật Đầu tư 2014 và cụ thể hoá các quy định của Luật Giao thông đường bộ.

II. Quan điểm xây dựng Dự thảo Nghị định

1. Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư năm 2014, Luật Giao thông đường bộ năm 2008, Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn năm 2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật và các quy định của pháp luật liên quan.

2. Kế thừa quy định điều kiện hoạt động của cơ sở đào tạo lái xe và trung tâm sát hạch lái xe tại Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, đã được thực hiện ổn định và đáp ứng được yêu cầu của hoạt động đào tạo lái xe ô tô và sát hạch lái xe của nhân dân.

3. Phân cấp tối đa cho cơ quan quản lý địa phương, giảm thủ tục hành chính, tạo thuận lợi nhất cho người dân và doanh nghiệp, khuyến khích xã hội hoá trong đầu tư xây dựng cơ sở đào tạo và trung tâm sát hạch. Từng bước nâng cao trình độ của giáo viên dạy thực hành lái xe, tiến tới đạt chuẩn giáo viên theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014.

4. Bổ sung chế tài thu hồi giấy phép hoạt động tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi vi phạm, bảo đảm tính hợp lý, tính thống nhất của hệ thống pháp luật, tính răn đe và tính khả thi khi triển khai thực hiện.

II. Quá trình soạn thảo Nghị định

Quy trình xây dựng Dự thảo Nghị định được thực hiện theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 24/2009/NĐ-CP ngày 05/3/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Thông tư số 58/2013/TT-BGTVT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về xây dựng, ban hành, hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật, kiểm soát thủ tục hành chính, theo dõi thi hành pháp luật trong lĩnh vực giao thông vận tải, cụ thể:

1. Bộ Giao thông vận tải giao Tổng cục Đường bộ Việt Nam chủ trì tổ chức biên soạn Dự thảo Nghị định. Theo đó, Tổng cục Đường bộ Việt Nam đã có Quyết định số 3706/QĐ-TCĐBVN ngày 20/11/2015 thành lập Tổ biên tập xây dựng Dự thảo Nghị định nêu trên. Quá trình soạn thảo đã được hiện đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 24/2009/NĐ-CP ngày 05/3/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đã thành lập Ban Soạn thảo do Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải làm Trưởng Ban, thành lập Tổ Biên tập xây dựng dự thảo Nghị định quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và sát hạch lái xe (tại Quyết định số 4463/QĐ-BGTVT ngày 21/12/2015 và Quyết định số 303/QĐ-BGTVT ngày 28/01/2016) gồm đại diện Văn phòng Chính phủ, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các Bộ: Kế hoạch Đầu tư, Tư pháp, Lao động – Thương binh và Xã hội, các cơ quan liên quan thuộc Bộ Giao thông vận tải.

3. Đăng tải toàn bộ nội dung dự thảo Nghị định lên trang Thông tin điện tử của Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải để xin ý kiến góp ý của các tổ chức, cá nhân.

4. Tổ chức các cuộc họp chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị định.

5. Gửi xin ý kiến tới các bộ, ngành và Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các bộ, ngành và các cơ quan, tổ chức, cá nhân, Bộ Giao thông vận tải đã tiếp thu, hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị định. Ngày.....tháng.....năm 2016, Bộ Giao thông vận tải có Công văn số /BGTVT-TCCB gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị định.

7. Ngày.....tháng.....năm 2016, Bộ Tư pháp có Công văn số...../BTP thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị định. Bộ Giao thông vận tải đã tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo Nghị định, trình Chính phủ.

III. Bố cục và nội dung dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 5 Chương, tổng số 24 Điều:

1. Chương I: Quy định chung, gồm 04 Điều (từ Điều 1 đến Điều 4), quy định về phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; áp dụng pháp luật có liên quan và Điều ước quốc tế.

2. Chương II: Điều kiện kinh doanh, cấp và thu hồi giấy phép đào tạo lái xe ô, gồm 8 Điều (từ Điều 5 đến Điều 12), quy định về Điều kiện chung của cơ sở đào tạo lái xe ô tô; điều kiện về cơ sở vật chất, điều kiện về giáo viên dạy lái xe ô tô; giấy phép đào tạo lái xe ô tô; thủ tục chấp thuận chủ trương xây dựng mới cơ sở đào tạo lái xe ô tô.

3. Chương III: Cấp và thu hồi giấy phép đào tạo lái xe, gồm 3 Điều (từ Điều 7 đến Điều 9); quy định về cấp giấy phép đào tạo lái xe; thủ tục cấp giấy phép đào tạo lái xe; thu hồi giấy phép đào tạo lái xe.

4. Chương IV: Cấp và thu hồi giấy giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động, gồm 3 Điều (từ Điều 10 đến Điều 12), quy định về cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động; thủ tục cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động; thu hồi giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

5. Chương V: Trách nhiệm tổ chức thực hiện, gồm 03 Điều (từ Điều 13 đến Điều 15), quy định về trách nhiệm tổ chức thực hiện; chế độ kiểm tra điều kiện kinh doanh; xử lý vi phạm.

5. Chương VI: Điều Khoản thi hành, gồm 2 Điều (từ Điều 16 đến Điều 17), quy định về điều khoản chuyển tiếp và hiệu lực thi hành.

6. Phần Phụ lục.

IV. Kết quả tiếp thu ý kiến góp ý của các bộ, ngành, các cơ quan liên quan và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

1. Kết quả tiếp thu ý kiến của các bộ, ngành và các cơ quan liên quan

*(Nội dung này sẽ được hoàn thiện sau khi có ý kiến của các bộ, ngành và các cơ quan liên quan)*

1. Kết quả tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp

*(Nội dung này sẽ được hoàn thiện sau khi có ý kiến của Bộ Tư pháp)*

V. Những vấn đề còn ý kiến khác nhau

*(Nội dung này sẽ được hoàn thiện sau khi có ý kiến của các bộ, ngành và các cơ quan liên quan, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp)*

Trên đây là những nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và sát hạch lái xe.

Bộ Giao thông vận tải xin gửi kèm theo Tờ trình:

*- Dự thảo Nghị định sau khi tiếp thu ý kiến của của các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp;*

*- Bản thuyết minh chi tiết và báo cáo đánh giá tác động của dự thảo Nghị định;*

*- Bản tổng hợp ý kiến và bản sao góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.*

*- Văn bản thẩm định của Bộ Tư pháp.*

Bộ Giao thông vận tải kính trình Chính phủ xem xét quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| *Nơi nhận:*  - Như trên;  - Văn phòng Chính phủ;  - Bộ Tư pháp;  - Thứ trưởng Lê Đình Thọ;  - Tổng cục Đường bộ VN;  - Lưu: VT, TCCB (Hđt). | BỘ TRƯỞNG |